TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HS-ST
Ngày: 25-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Mến**.

2/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Đoàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Tấn Đ**, sinh năm 1994 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký thường trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay: số B khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Khắc B và bà Đỗ Thị L; Bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 22/3/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Anh **Nguyễn Dương P**, sinh năm 1982. Vắng mặt

Nơi cư trú: số G khu D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Chị **Trần Thị Bích T**, sinh năm 1987. Có mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh **Nguyễn Như T1**, sinh năm 1988. Vắng mặt

Nơi cư trú: số C khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Anh **Nguyễn Hữu T2**, sinh năm 1995.Vắng mặt

Nơi đăng ký thường trú: số I khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi ở hiện nay: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Anh **Đỗ Hoàng A**, sinh năm 1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: số B khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1973. Có mặt

Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1969. Có mặt

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Anh **Lê Thanh T4**, sinh năm 1999. Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Anh **Trần Long P1**, sinh năm 1985. Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Anh **Nguyễn Văn P2**, sinh năm 1989. Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 26/12/2022, bị cáo Ngô Tấn Đ mượn xe mô tô biển số 59L1-057.10 của anh Nguyễn Như T1, sinh năm 1988, ngụ số C khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long điều khiển trên đường T Bát theo hướng từ xã T về thị trấn T để đi về nhà ông Đỗ Hoàng A, sinh năm 1984 (cậu của Đ) tại số B khu F, thị trấn T, lúc này xe bị xì lốp (thủng bánh). Khi đến đoạn thuộc khu

D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, Đ nhìn thấy xe mô tô biển số 64K6-1966 đang dựng trước nhà bên trái theo hướng đi nên Đ nảy sinh ý định lấy trộm xe này nhằm dùng làm phương tiện đi lại. Đ điều khiển xe mô tô biển số 59L1-057.10 lại chỗ xe mô tô biển số 64K6-1966 đang dựng trước nhà chìa khóa còn trong ổ khóa. Đ dựng xe mô tô biển số 59L1-057.10 lại gần đó rồi điện thoại cho anh Nguyễn Như T1 đến lấy xe về, anh T1 nói không có xe để đến nên Đ nổ máy và điều khiển xe mô tô biển số 64K6-1966 chạy qua nhà anh T1 chở anh T1 quay lại khu D, thị trấn T để lấy xe của anh T1. Khi đến khu D, thị trấn T thì anh T1 dẫn xe mô tô biển số 59L1-057.10 về nhà anh T1, Đ điều khiển xe mô tô biển số 64K6-1966 vừa trộm được về nhà cậu của Đ.

Đến khoảng 15 giờ ngày 27/12/2022 Đ gỡ biển số 64K6-1966 của xe mô tô bỏ lại nhà ông Đỗ Hoàng A, sau đó gắn biển số 64F1-470.69 (Đ nhặt được cách đó khoảng 02 tháng tại xã T, huyện T) vào xe mô tô rồi điều khiển đến ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long gặp bạn tên Nguyễn Hữu T2 để nhờ bán con chim cu gáy. T2 đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 64F1-470.69 (xe Đ lấy trộm) chạy đi bán con chim cu gáy giúp Đ thì bị anh Nguyễn Dương P phát hiện xe mô tô giống xe của anh bị mất trộm nên trình báo Cơ quan Công an. Tang vật thu giữ:

+ 01 *(Một)* biển số xe có số 64K6-1966;

+ 01 *(Một)* xe mô tô loại Wave, màu xanh, biển số 64F1-470.69;

+ 01 *(Một)* giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy mang tên Nguyễn Quốc V, biển số 64K6-1966.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGTS ngày 11/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện T kết luận: Tổng giá trị tài sản trong vụ trộm cắp xảy ra nêu trên có giá trị đến ngày 27/12/2022 là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*.

Ngày 22/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Ngô Tấn Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Ngô Tấn Đ còn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau: Khoảng 01 giờ ngày 31/01/2023 bị cáo Ngô Tấn Đ lấy xe mô tô biển số 64F1-115.11 của anh Trần Long P1 (lúc này anh P1 đang ngủ) để tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến khu vực chợ, bị cáo Đ thấy tiệm tạp hóa của chị Trần Thị Bích T đóng cửa nên dừng xe đi vào dùng cây kìm bấm mang theo bấm đứt đoạn kim loại ổ khóa, sau đó bị cáo Đ chạy đi tìm dụng cụ chứa tài sản lấy trộm. Bị cáo Đ tìm được 01 *(Một)* cái sọt bằng nhựa (loại dùng để đựng cam)

và nhiều đoạn dây ở gần đó. Bị cáo buộc sọt ở phía sau yên xe và điều khiển xe quay lại tiệm tạp hóa của chị T. Đến nơi bị cáo lẻn vào bên trong lấy trộm tài sản gồm: 02 *(Hai)* thùng bia, nhãn hiệu SÀI GÒN LAGER để lên baga giữa xe; 02 *(Hai)* thùng bia, nhãn hiệu HEINIKEN để vào sọt phía sau xe; 01 *(Một)* thùng nước ngọt sá xị, nhãn hiệu TRIBICO và 01 *(Một)* hộp bánh bông lan, nhãn hiệu SAMILK, khối lượng 234 gam để bên trên 02 *(Hai)* thùng bia, nhãn hiệu SÀI GÒN LAGER. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo điều khiển xe chở về nhà ông Đỗ Hoàng A cất giấu, trên đường về bị cáo làm rớt 01 *(Một)* hộp bánh bông lan, nhãn hiệu SAMILK tại khu vực cầu M, xã T. Khi về đến nhà bị cáo thấy có Lê Thanh T4 đến chơi nên rủ T4 đi trộm cắp tài sản thì T4 đồng ý. Bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 64F1-115.11 chở T4 quay lại tiệm tạp hóa của chị T để lấy trộm tài sản. Khi đến nơi bị cáo ngồi lại trên xe và kêu T4 vào bên trong lấy trộm. T4 lần lượt đi vào trong tiệm tạp hóa lấy tài sản mang ra xe cho bị cáo gồm: 01 *(Một)* thùng bia, nhãn hiệu TIGER và 01 *(Một)* thùng nước bí đao, nhãn hiệu TRIBECO để lên baga giữa xe; 01 *(Một)* thùng nước ngọt sá xị, nhãn hiệu TRIBECO và 01 *(Một)* thùng bia nhãn hiệu HEINIKEN để lên phía sau yên xe; 01 *(Một)* bịch bột giặt, nhãn hiệu OMO, loại 06 kg và 01 *(Một)* bịch bột giặt, nhãn hiệu NET, loại 06 kg để bên trên thùng bia, nhãn hiệu TIGER nêu trên; 01 *(Một)* thùng nước rửa chén, nhãn hiệu NET, loại 3,8 lít và 01 *(Một)* bịch bột giặt, nhãn hiệu OMO, loại 06 kg thì T4 cầm trên hai tay và leo lên xe mô tô biển số 64F1-115.11 để bị cáo Đ chở về nhà ông Đỗ Hoàng A cất giấu. Trên đường về, T4 có làm rơi 01 *(Một)* thùng nước rửa chén, nhãn hiệu NET và 01 *(Một)* bịch bột giặt, nhãn hiệu OMO. Sáng hôm sau, Nguyễn Hữu T2 đến chơi, bị cáo Đ cho T2 01 *(Một)* thùng bia, nhãn hiệu TIGER và 01 *(Một)* bịch bột giặt, nhãn hiệu NET. Còn 01 *(Một)* hộp bánh bông lan, nhãn hiệu SAMILK; 01 *(Một)* thùng nước rửa chén, nhãn hiệu NET và 01 *(Một)* bịch bột giặt, nhãn hiệu OMO bị rớt mất không thu giữ được. Những tài sản còn lại bị cáo Đ đã sử dụng hết.

Tang vật thu giữ: 01 *(Một)* xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu xanh-trắng, biển số 64F1-115.11.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 20/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện T kết luận: Tổng giá trị tài sản trong vụ trộm cắp xảy ra nêu trên có giá trị đến ngày 31/01/2023 là 3.190.000đ *(Ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)*. Trong đó, giá trị tài sản mà bản thân bị cáo Đ thực hiện hành vi trộm cắp trước đó là 1.530.000đ *(Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)*, giá trị tài sản mà bị cáo Đ cùng với Lê Thanh T4 trộm cắp được sau đó là 1.660.000đ *(Một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Ngày 02/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Quyết định nhập vụ án hình sự số 08/QĐ-ĐCSKTMT ngày 30/4/2023.

Lê Thanh T4 cùng với bị cáo Đ trộm cắp tài sản của chị Trần Thị Bích T nhưng giá trị tài sản mà T4 cùng Đ trộm cắp được là 1.660.000đ *(Một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng)*. Bản thân Lê Thanh T4 chưa có tiền án, tiền sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không khởi tố bị can đối với Lê Thanh T4 mà ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*. Hiện nay T4 đã nộp phạt xong.

Ngoài thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nêu trên bị cáo Ngô Tấn Đ còn thực hiện hành vi *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, cụ thể: Khoảng 17 giờ ngày 22/3/2023 bị cáo Đ đến xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long chơi thì có quen với người tên S (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể), tại đây S kêu bị cáo Đ đến bến phà thuộc ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để lấy ma túy về cùng sử dụng thì bị cáo Đ đồng ý. Sĩ đưa cho bị cáo Đ 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* để mua ma túy và trả tiền phà. Sau đó bị cáo Đ đi bộ đến bến phà thuộc ấp M, xã T, huyện T gặp một người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) mua 01 *(Một)* tép ma túy được đựng trong bịch nylon trong suốt, hàn kín bên ngoài có quấn băng keo màu tím, giá 180.000đ *(Một trăm tám mươi nghìn đồng)*. Sau khi nhận ma túy xong, bị cáo Đ đi bộ xuống phà để quay về xã L, huyện T thì bị lực lượng Công an đang tuần tra kiểm soát yêu cầu dừng lại kiểm tra, do sợ bị phát hiện nên bị cáo Đ quăng bỏ tép ma túy vừa mua được cạnh chỗ đứng thì bị phát hiện và bắt quả tang. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã niêm phong và gửi đi giám định. Tang vật thu giữ gồm:

+ 01 *(Một)* mảnh băng keo bằng nhựa, màu tím bên trong có chứa 01 *(Một)* bịch nylon trong suốt được hàn kín, bên trong bịch nylon có chứa tinh thể nghi là ma túy (được niêm phong trong phong bì ký hiệu 01);

+ 01 *(Một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu trắng-đen, phía sau có dòng chữ VIVO, đã qua sử dụng và 01 *(Một)* điện thoại di động, màu xám-đen, mặt trước điện thoại có dòng chữ NOKIA, đã qua sử dụng (được để trong phong bì).

Tại kết luận giám định số 189/KL-KTHS ngày 27/3/2023 của Phòng K Công an tỉnh V xác định: Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bịch nylon được niêm phong trong phong bì (ký hiệu 01) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1016 gam, loại Methamphetamine.

Ngày 22/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt bị cáo Ngô Tấn Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* để tạm giam. Đến ngày 30/3/2023 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Ngô Tấn Đ về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 22/5/2023 ra quyết định nhập vụ án hình sự điều tra xử lý chung.

Tại bản cáo trạng số: 64/CT-VKSTÔ ngày 26/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân nhân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Ngô Tấn Đ về tội "*Trộm*

cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tang vật thu giữ:

- 01 *(Một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu trắng-đen, phía sau có dòng chữ VIVO, đã qua sử dụng;

- 01 *(Một)* điện thoại di động, màu xám-đen, mặt trước điện thoại có dòng chữ NOKIA, đã qua sử dụng;

- Mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định, khối lượng 0,0604 gam và vỏ bao gói để trong phong bì niêm phong số 189/01 ngày 27/3/2023.

Tại phiên tòa:

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đề nghị: Tuyên bố bị cáo Ngô Tấn Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Tấn Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Đề nghị áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Tấn Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Đề nghị áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị:

- Trả lại cho bị cáo 01 *(Một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu trắng-đen, phía sau có dòng chữ VIVO, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo 01 *(Một)* điện thoại di động, màu xám-đen, mặt trước điện thoại có dòng chữ NOKIA, đã qua sử dụng nhưng giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định, khối lượng 0,0604 gam và vỏ bao gói để trong phong bì niêm phong số 189/01 ngày 27/3/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Bích T yêu cầu bị cáo Ngô Tấn Đ bồi thường số tiền là 3.190.000đ, không yêu cầu Lê Thanh T4 bồi thường. Đối với đoạn kim loại ổ khóa bị cắt chị T không yêu cầu gì. Bị cáo Đ đồng ý bồi

thường theo yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự.

Bị cáo Ngô Tấn Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và có thái độ ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại chị Trần Thị Bích T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 3.190.000đ.

Bị cáo Ngô Tấn Đ nói lời sau cùng: Bị cáo thấy ăn năn về hành vi đã gây ra, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra thu thập. Qua đó xác định: Khoảng 23 giờ ngày 26/12/2022 tại khu D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị cáo Ngô Tấn Đ có hành vi lén lút lấy trộm 01 *(Một)*t xe mô tô biển số 64K6-1966 của anh Nguyễn Dương P, sinh năm 1982, ngụ số G khu D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long có giá trị là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* nhằm dùng làm phương tiện đi lại.

Trong thời gian chờ xử lý, bị cáo Ngô Tấn Đ tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1987, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, các tài sản gồm: 02 *(Hai)* thùng bia, nhãn hiệu SÀI GÒN LAGER; 03 *(Ba)* thùng bia, nhãn hiệu HEINIKEN; 02 *(Hai)* thùng nước ngọt sá xị, nhãn hiệu TRIBICO; 01 *(Một)* hộp bánh bông lan, nhãn hiệu SAMILK, khối lượng 234 gam; 01 *(Một)* thùng bia, nhãn hiệu TIGER; 01 *(Một)* thùng nước bí đao, nhãn hiệu TRIBECO; 02 *(Hai)* bịch bột giặt, nhãn hiệu OMO, loại 06 kg; 01 *(Một)* bịch bột giặt, nhãn hiệu NET, loại 06 kg và 01 *(Một)* thùng nước rửa

chén, nhãn hiệu NET, loại 3,8 lít. Tổng giá trị tài sản là 3.190.000đ *(Ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)* nhằm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 6.190.000đ *(Sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)*. Từ đó, có đủ căn cứ quy kết bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, trong thời gian điều tra, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,1016 gam, loại Methamphetamine, nhằm mục đích để sử dụng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố đối với bị cáo.

[2.2] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có sức khỏe nhưng lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong thời gian chờ xử lý hành vi phạm tội, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo thực hiện chuỗi hành vi phạm tội Cơ quan điều tra đang điều tra hành vi phạm tội của bị cáo, chứng tỏ bị cáo xem thường tài sản của người khác, xem thường pháp luật, do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản với thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, nên được giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị Bích T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 3.190.000đ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho chị T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Trần Thị Bích T số tiền 3.190.000đ là phù hợp theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

[2.6] Về xử lý vật chứng:

Đối với các tài sản thu giữ trong quá trình điều tra gồm: 01 *(Một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu trắng-đen, phía sau có dòng chữ VIVO, đã qua sử dụng; 01 *(Một)* điện thoại di động, màu xám-đen, mặt trước điện thoại có dòng chữ NOKIA, đã qua sử dụng là tài sản riêng của bị cáo, quá trình điều tra không chứng minh được tài sản đó dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại

cho bị cáo là phù hợp theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định, khối lượng 0,0604 gam và vỏ bao gói để trong phong bì niêm phong số 189/01 ngày 27/3/2023 là vật bị Nhà nước cấm lưu hành, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Ngô Tấn Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Tấn Đ phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*" và tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Tấn Đ 09 *(Chín)* tháng tù.

3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Tấn Đ 01 *(Một)* năm tù.

4. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 *(Một)* năm 09 *(Chín)* tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 22/3/2023).

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Ngô Tấn Đ và bị hại chị Trần Thị Bích T. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị T số tiền 3.190.000đ (*Ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ

luật Dân sự.

6. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

6.1. Trả lại cho bị cáo 01 *(Một)* điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu trắng-đen, phía sau có dòng chữ VIVO, đã qua sử dụng;

6.2. Trả lại cho bị cáo 01 *(Một)* điện thoại di động, màu xám-đen, mặt trước điện thoại có dòng chữ NOKIA, đã qua sử dụng nhưng giao Chi cục Thi hành án huyện Trà Ôn tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

6.3. Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định, khối lượng 0,0604 gam và vỏ bao gói để trong phong bì niêm phong số 189/01 ngày 27/3/2023.

Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2023).

7. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Tấn Đ bị cáo nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh Vĩnh Long
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Công an huyện Trà Ôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã Hiếu Nhơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Nga

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.